TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 157/2019/DS-ST Ngày: 30-10-2019 V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng thi công xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXX-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Phong N, sinh năm 1983 ; Địa chỉ: Tổ 36, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thanh Hoàng V, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Phong N trình bày: Vào tháng 7/2018, anh Nguyễn Ngọc T có thỏa thuận thuê anh Nguyễn Phong N xây tô công trình trường tiểu học "A" Bình Hòa do anh T làm quản lý đội thi công. Khi thỏa thuận, anh N và anh T chỉ thỏa thuận miệng, hai bên thống nhất công việc của anh N là xây tô tường, hành lang, tô đà..., hai bên thống

nhất anh N làm được khối lượng bao nhiêu thì nhận tiền công bấy nhiêu. Hợp đồng thi công xây dựng giữa anh N và anh T còn có sự tham gia của anh Trần Thanh Hoàng V. Anh N và anh V cùng hùn vốn thuê nhân công thực hiện hợp đồng với anh T. Trong quá trình thi công, anh N và anh V có tạm ứng số tiền 26.000.000 đồng. Sau khi thực hiện công việc, anh T có giám sát và đo đạc diện tích anh N đã thực hiện được và xác định số tiền công anh T phải trả cho anh N và anh V là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, anh T không thanh toán tiền công còn lại và sau đó lánh mặt, anh N nhiều lần điện thoại yêu cầu anh T thanh toán số tiền còn nợ là 44.000.000 đồng thì anh T chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán. Nay anh N yêu cầu anh T thanh toán cho anh N và anh V số tiền còn nợ theo hợp đồng là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Ngọc T nhưng anh T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh Hoàng V trình bày: Vào tháng 7/2018, anh T có thuê anh N và anh V thi công xây dựng một số hạng mục của công trình trường tiểu học "A" Bình Hòa. Tuy các thỏa thuận đều do anh N trao đổi với anh T nhưng việc thi công là do anh V và anh N cùng hùn vốn để thực hiện. Anh V thống nhất với lời trình bày của anh N, anh V và anh N đã thực hiện công việc xây tô theo thỏa thuận với anh T, tổng giá trị công việc đã thực hiện theo thỏa thuận là 70.000.000đ, anh N và anh V đã ứng trước của anh Thuận 26.000.000đ, đến khi thi công xong thì anh T nhiều lần hứa hẹn trả tiền, sau đó lánh mặt không trả. Do anh V và anh N còn nợ tiền nhân công khi thuê làm công trình cho anh T nên anh V yêu cầu anh T phải trả cho anh V và anh N số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

* Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh T trả cho anh N và anh V số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

- Bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, buộc anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phong N và anh Trần Thanh Hoàng V số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2019, Công an xã V xác nhận anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, hiện anh T đã đi Phú Quốc làm ăn từ tháng 9/2018 đến nay nhưng thỉnh thoảng có về thăm nhà, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quy định tại.

1.3 Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin được xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Hợp đồng thi công xây dựng theo lời trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì giữa anh N và anh T không có lập thành văn bản thể hiện nội dung thỏa thuận cụ thể, chỉ thỏa thuận miệng, anh N và anh V không có văn bản chứng minh việc có thỏa thuận với anh T nhận thi công xây dựng tuy nhiên thực tế anh N và anh V có thi công xây dựng một số công việc tại công trình xây dựng trường tiểu học A Bình Hòa thể hiện qua các biên bản xác minh ngày 21/02/2019 và ngày 25/4/2019, anh Trần Minh T và anh Nguyễn Phước N – cán bộ kỹ thuật của công ty HAG – phụ trách công trình xây dựng trường tiểu học A Bình Hòa xác nhận: *"Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T có thỏa thuận thuê mướn ông Nguyễn Phong N thực hiện việc xây tô ăn khối lượng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm hợp đồng văn bản.Việc thuê mướn hợp đồng giữa ông T và ông N không liên quan đến công ty, ông N và ông T thỏa thuận giá cả như thế nào các ông không biết vì việc này do các bên thỏa thuận. Ông xác định có thấy ông Nguyễn Phong N làm việc tại công trình trường tiểu học A Bình Hòa, công việc của ông N là xây tô. Công ty chỉ trực tiếp làm việc với ông T và trả tiền cho ông T. Năm 2018, ông T không hoàn thành công việc nên công ty đã cho chấm dứt hợp đồng".*

Ngoài ra anh Nguyễn Phước N và anh Trần Minh T xác nhận khối lượng công việc anh N đã thực hiện là: Tô mâm trần, phòng và hành lang được 270m^2; tô tường được 535m^2; tô đà và cột 100m^2; xây tường 10 là 424m^2; xây tường 20 được 126m^2; xây cầu thang được 38m^2, ngoài ra anh Nhã có làm công nhật cho anh Thuận 02 ngày công phụ (200.00đ/ngày) và 8 ngày công thợ (280.000đ/ngày).

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2019, các anh Cao Minh L và Lê Hoàng H – là thợ xây dựng trên địa bàn xã C, xã B, và xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An

Giang, xác định: *"Trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giá công xây dựng nhà cửa, công trình dân dụng có giá là: xây tường 10 giá 40.000đ/m^2; xây tường 20 giá 80.000đ/m^2; tô tường trong và ngoài là 35.000đ/m^2; tô đà và cột là 50.000đ/m^2; tô mâm trầm là 50.000đ/m^2; xây cầu thang giá 80.000đ/m^2; giá trên không bao gồm tiền vật tư mà chỉ là tiền công thợ"*.

Như vậy, thực tế anh N và anh V có thực hiện theo thỏa thuận với anh T thi công xây tô tường, mâm trần, ... , khối lượng công việc và số tiền anh N và anh V trình bày phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được Tòa án thu thập. Thỏa thuận giữa anh N, anh V và anh T hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Anh N và anh V đã thực hiện công việc đúng theo thỏa thuận với tổng giá trị là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), trong khi anh T không thanh toán đủ cho anh N và anh V, chỉ tạm ứng trước số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) và còn nợ 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng), điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N và anh V. Do đó, anh N và anh V yêu cầu anh T phải thanh toán cho các anh số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng) còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 144 của Luật xây dựng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 44.000.000đ x 5% = 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 144 của Luật xây dựng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phong N và yêu cầu độc lập của anh Trần Thanh Hoàng V. Buộc anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phong N và anh Trần Thanh Hoàng V số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Phong N được nhận lại số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013983 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Anh Trần Thanh Hoàng V được nhận lại số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004386 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao